

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 98/2024/DS-GĐT

Ngày: 24/04/2024.

V/v: “*Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phan Thanh Tùng;

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Xuân Thiện;

ông Võ Văn Khoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Lê Sỹ Nguyên, Thẩm tra viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*** ông Lê Công Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

*1/Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 979H Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức,

Thành phố Hồ Chí Minh.

*2/Bị đơn:*

Bà Võ Thị Vân H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: A đường I, khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí

Minh.

*3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/Bà Mã Thị H1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 96/37 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức,

Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/Ông Bùi Quốc H2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 96/37 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3/Ông Huỳnh T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: A đường I, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim D trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:*

Theo giấy xác nhận ngày 26/03/2020, bà Võ Thị Vân H (bà H) ký giấy xác nhận có nợ của bà Nguyễn Thị Kim D (bà D) số tiền là 1.900.000.000 đồng; việc giao-nhận tiền đã xảy ra trước đó, không lập biên nhận; đến ngày 26/03/2020, hai bên làm giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ, nội dung như sau:

“Nay tôi xác nhận đến thời điểm tôi còn nợ chị D số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng)

Đến thời hạn là 04 tháng 5 năm 2020 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho chị D...”.

Cho đến ngày hôm nay, bà H vẫn không trả tiền theo cam kết nói trên. Vì vậy, bà D khởi kiện, đòi bà H và bà Mã Thị H1 (bà H1) phải cùng trả lại số tiền vay 1.900.000.000 đồng theo giấy xác nhận ngày 26/03/2020 (vì bà H là người nhận tiền, đồng thời là người đại diện cho bà H1).

*Bị đơn là bà Võ Thị Vân H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D như sau:*

Bà H thừa nhận rằng chữ ký trong giấy xác nhận ngày 26/03/2020 là của đương sự. Bà H cho rằng sở dĩ ký tên vào giấy vì vào lúc đó, bà H1 đã đi về, chỉ còn lại bà H và nghĩ rằng bà H1 đã trả tiền cho bà D thông qua ngân hàng. Bà H1 là người vay tiền, trả tiền; bà H chỉ là người đi cùng với bà H1.

Vì vậy, bà H không đồng ý trả 1.900.000.000 đồng cho bà D.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mã Thị H1 trình bày ý kiến như sau:*

Bà H1 không đồng ý trả số tiền 1.900.000.000 đồng cho bà D bởi vì đương sự không vay tiền của H; khoản tiền này (1.900.000.000 đồng) là tiền lãi của số tiền

vay theo hợp đồng vay tiền ngày 30/09/2019, thời hạn trả là 03 tháng. Sau đó, do dịch bệnh (Covid 19) nên việc trả nợ bị gián đoạn; bà D đã tính lãi trong thời gian gián đoạn trả nợ. Sau đó, bà H1 và bà H đã trả xong số tiền (theo hợp đồng ngày 30/09/2019) vào ngày 23/03/2020.

*Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày 09/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử như sau:*

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D.

Buộc bà Võ Thị Vân H trả cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 1.900.000.000 đồng theo giấy xác nhận ngày 26/03/2020; ghi nhận việc bà D không yêu cầu trả tiền lãi; trả tiền một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí.

Vào ngày 24/11/2022, bà H và bà H1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

*Tại bản án Dân sự phúc thẩm số 552/2023/DS-PT ngày 10/05/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử như sau:*

-Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Vân H và kháng cáo của bà Mã Thị H1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Sau đó, vào ngày 01/06/2023, bà H có đơn yêu cầu xem xét lại bản án phúc thẩm nói trên.

Tại quyết định số 07/QĐ-VKS-DS ngày 18/12/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nói trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm để xét xử lại vụ án;

Lý do như sau:

-Theo giấy xác nhận ghi ngày 26/03/2020, thì số tiền 1.900.000.000 đồng liên quan đến khoản vay khác giữa hai bên, xác lập theo hợp đồng vay tiền ngày 30/09/2019 công chứng tại Văn phòng C, quận I. Mặc dù bà D cho rằng giao dịch vay tiền ngày 30/09/2019 và giao dịch theo giấy xác nhận ngày 26/03/2020 là những giao dịch khác nhau, nhưng đương sự không chứng minh được như vậy. Trong khi chưa làm rõ sự liên hệ giữa hai giao dịch vừa nêu, nhưng Tòa án (cấp sơ

thẩm và cấp phúc thẩm) đã xét xử, buộc bà H phải trả 1.900.000.000 đồng, là chưa có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]Tại hợp đồng vay tiền, công chứng tại Văn phòng C, quận I, Tp.Hồ Chí Minh vào ngày 30/09/2019, các đương sự tham gia giao dịch gồm có: bà Nguyễn Thị Kim D (là bên cho vay tiền); bà Mã Thị H1-ông Bùi Quốc H2; bà Võ Thị Vân H-ông Huỳnh T (là bên vay tiền) cùng thỏa thuận như sau:

-Bà Nguyễn Thị Kim D cho bà Mã Thị H1-ông Bùi Quốc H2 và bà Võ Thị Vân H-ông Huỳnh T vay số tiền 12.500.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng (kể từ ngày ký kết hợp đồng), không tính lãi; mục đích vay tiền: để mua đất tại quận G, Tp . Hồ Chí Minh.

Cùng vào ngày 30/09/2019, các bên đương sự lập giấy biên nhận, xác nhận việc giao-nhận cho nhau số tiền vay, là 12.500.000.000 đồng nói trên.

[2]Sau đó, tại giấy xác nhận vào ngày 26/03/2020, bên cho vay là bà Nguyễn Thị Kim D và bên vay là bà Võ Thị Vân H cùng ký tên, xác nhận sự việc như sau:

*“Hôm nay, ngày 26/03/2020*

*Tôi tên: Võ Thị Vân H (Đại diện cho Mã Thị H1)*

*Xác nhận với chị Nguyễn Thị Kim D nội dung sự việc như sau:*

*Theo giấy vay tiền tại Văn phòng C ngày .....*

*Nay tôi xác nhận đến thời điểm tôi còn nợ chị D số tiền 1.900.000.000 đồng.....*

*Đến thời hạn là 04 tháng 5 năm 2020 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho chị D. Và chị D xóa giấy vay tiền tại Văn phòng C”.*

[3]Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, hai bên đương sự có lời khai hoàn toàn khác nhau về mối liên hệ giữa hợp đồng vay tiền ngày 30/09/2019 với giấy xác nhận ngày 26/03/2020, cụ thể như sau:

-Bà Nguyễn Thị Kim D cho rằng số tiền giao dịch tại hợp đồng vay tiền ngày 30/09/2019 (12.500.000.000 đồng) và số tiền thừa nhận tại giấy xác nhận ngày

26/03/2020 (1.900.000.000 đồng) là hai khoản tiền cho vay riêng biệt, là hai giao dịch khác nhau;

-Bà Mã Thị H1-ông Bùi Quốc H2 và bà Võ Thị Vân H-ông Huỳnh T cùng cho rằng số tiền giao dịch tại hợp đồng vay tiền ngày 30/09/2019 (12.500.000.000 đồng) và số tiền thừa nhận sau đó tại giấy xác nhận ngày 26/03/2020 (1.900.000.000 đồng), là xuất phát từ khoản tiền vay ngày 30/09/2019; khoản tiền vay này đã được trả xong vào ngày 23/03/2020 và số tiền 1.900.000.000 đồng (theo giấy xác nhận ngày 26/03/2020) còn lại, chỉ là khoản tiền lãi của số tiền vay 12.500.000.000 đồng trước đó.

[4]Mặc dù bà Nguyễn Thị Kim D phủ nhận ý kiến của bà Mã Thị H1-ông Bùi Quốc H2 và bà Võ Thị Vân H-ông Huỳnh T, nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ của vụ án, thì có căn cứ để xác định rằng số tiền 1.900.000.000 đồng là khoản tiền xuất phát từ giao dịch vay tiền ngày 30/09/2019 giữa các đương sự;

Lý do như sau:

-Bà Nguyễn Thị Kim D không xuất trình được chứng cứ về việc giao-nhận số tiền 1.900.000.000 đồng giữa đương sự với bà Mã Thị H1-ông Bùi Quốc H2 và bà Võ Thị Vân H-ông Huỳnh T, giống như việc giao-nhận số tiền 12.500.000.000 đồng đã thực hiện vào ngày 30/09/2019 trước đó, để từ đó có thể xác định rằng giữa hai bên đương sự đã thực hiện hai giao dịch vay tiền riêng biệt;

-Ngoài hợp đồng vay tiền có sự chứng nhận của Văn phòng C vào ngày 30/09/2019, bà Nguyễn Thị Kim D không xuất trình được hợp đồng vay tiền nào khác cũng được công chứng tại Văn phòng C; nội dung của giấy xác nhận ngày 26/03/2020 cũng đã thể hiện rõ ràng và hợp lý về mặt thời gian, rằng số tiền 1.900.000.000 đồng là khoản tiền xuất phát từ giao dịch vay tiền ngày 30/09/2019 xác lập trước đó giữa các đương sự.

[5]Như vậy, trong khi chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ về việc thực hiện giao dịch vay tiền ngày 30/09/2019, chưa đánh giá đúng về giá trị pháp lý của giao dịch vay tiền này trong mối liên hệ với giấy xác nhận ngày 26/03/2020, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã xác định rằng số tiền 1.900.000.000 đồng là khoản vay riêng biệt (so với khoản vay ngày 30/09/2019) và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D, là chưa có căn cứ pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;*

1/Chấp nhận kháng nghị số 07/QĐ-VKS-DS ngày 18/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án Dân sự sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hủy bản án Dân sự phúc thẩm số 552/2023/DS-PT ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D; bị đơn là bà Võ Thị Vân H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị H1, ông Bùi Quốc H2 và ông Huỳnh T.

2/Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Chánh án TANDCC tại Tp.HCM (để b/c);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Thủ Đức (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, HS; THS (LSN)

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**